

## MÙA VỤ XUẤT HIỆN VÀ PHÂN BỐ NGUỒN GIỐNG CÁ KÈO (*PSEUDAPOCRYPTE ELONGATUS*) Ở VÙNG VEN BIỂN TRÀ VINH

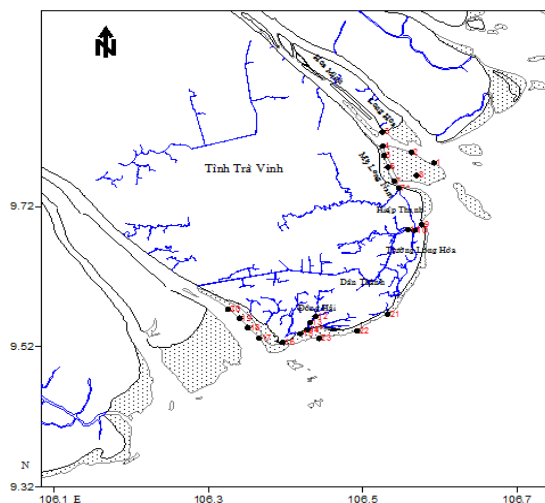
VÕ VĂN QUANG, TRẦN THỊ LÊ VÂN, TRẦN CÔNG THỊNH

Viện Hải dương học

Cá Kèo *Pseudapocrypte elongatus* (Cuvier, 1816), thuộc họ Cá bống (Gobiidae), phân bố ở vùng ven bờ biển Ấn Độ - Thái Bình Dương; nhiều nhất là khu vực hạ lưu sông Mê Kông [2, 7]. Là loài cá sống đáy, sống trong môi trường nước lợ [2]. Ở Việt Nam Cá kèo phân bố ở vùng ven biển, cửa sông, trong các kênh rạch ven biển và rừng ngập mặn, chúng là đối tượng khai thác của nghề xà ngôn, đáy sông... Trong vài năm gần đây, Cá kèo nổi lên là một đối tượng nuôi mang lại lợi nhuận cao, chi phí thấp, được nuôi hầu hết ở các địa phương ven biển thuộc tỉnh Trà Vinh. Tiềm năng nuôi còn rất lớn, nhưng nguồn giống phục vụ cho nuôi được cung cấp từ thu thập tự nhiên. Bất cập lớn nhất trong việc sử dụng nguồn giống là khai thác quá mức cả con giống có kích thước nhỏ để nuôi, trong khi đó đàn cá bố mẹ cũng bị khai thác cạn kiệt. Bên cạnh đó do nhu cầu phát triển kinh tế nhiều diện tích rừng ngập mặn bị tàn phá làm mất đi nơi ở, bãi đẻ và bãi ương dưỡng, nơi sống của Cá kèo. Chính vì vai trò của Cá kèo đối với các vùng ven biển Trà Vinh nói riêng và các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long trong việc khai thác và phát triển đối tượng nuôi mới, cần thiết phải có đánh giá về hiện trạng con giống tự nhiên, sự xuất hiện bãi giống để có định hướng trong việc khai thác và nuôi trồng trong thời gian tới ở Trà Vinh.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu Cá kèo giống được thu bằng lưới giống có miệng lưới hình vuông, diện tích 0,25 m<sup>2</sup>, kích thước mắt lưới 1 mm. Khi kéo lưới được gắn một lưu tốc kế để tính thể tích nước lọc qua lưới. Lưới được kéo dưới tầng mặt từ 3-5 m tùy theo độ sâu, vận tốc kéo lưới 2 -3 hải lý/giờ. Tiến hành 5 đợt khảo sát vào tháng 12/2008, tháng 02, 04, 07-08 và 09/2009, tổng số mẫu là 82 mẫu, vị trí trạm thu mẫu theo Hình 1. Mẫu sau khi kéo được bảo quản trong Formol 5% và đưa về phòng thí nghiệm để nhặt cá bột và cá con ra khỏi sinh vật phù du, mẫu giống có ký hiệu như mẫu gốc. Mẫu được phân tích dưới kính lúp soi nổi hai mắt. Định loại Cá kèo giống dựa vào các tài liệu phân loại [3, 4, 5, 6, 7, 8]. Số lượng cá giống trong mẫu được tính trên đơn vị 100 m<sup>3</sup> nước biển (n/100m<sup>3</sup>).

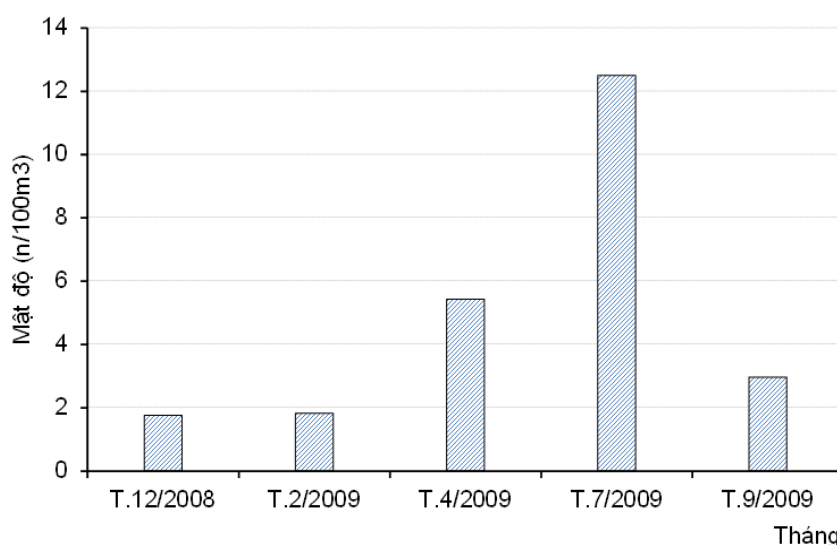


Hình 1: Sơ đồ trạm thu mẫu Cá kèo giống vùng ven biển và cửa sông Trà Vinh

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Mùa vụ xuất hiện Cá kèo giống

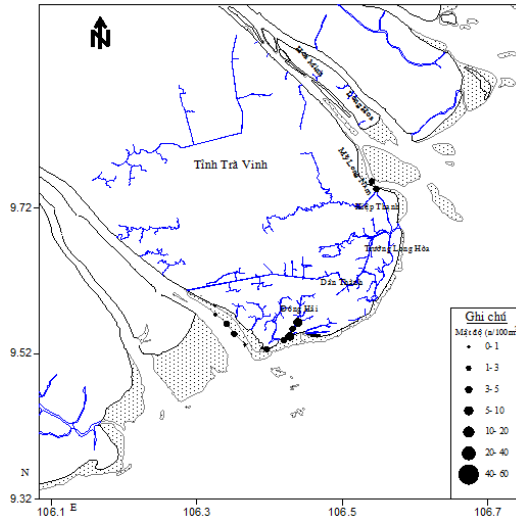
Trong 5 tháng thu mẫu đều thu được Cá kèo giống, trong tháng 12/2008 Cá kèo giống xuất hiện rất ít bình quân chỉ 1,76 con/100m<sup>3</sup>. Vào tháng 02 cũng thu được Cá kèo giống nhưng mật độ rất thấp từ 1-3 con/100m<sup>3</sup>, trung bình chỉ 1,83 con/100m<sup>3</sup>. Trong đợt thu mẫu tháng 4/2009, mật độ bình quân 5,43 con/100m<sup>3</sup>, tháng 7 là 12,5 con/100m<sup>3</sup>, đến tháng 9/2009 còn 2,97 con/100m<sup>3</sup> (Hình 2). Mùa vụ chính của Cá kèo giống là tháng 7-8 hàng năm. Theo [1], Cá kèo bổ sung quần đàn quanh năm nhưng tập trung là vào tháng 4 và tháng 7-8, đỉnh tập trung cao nhất là tháng 7-8. Qua tham vấn người dân khai thác Cá kèo giống thì thời điểm Cá kèo giống xuất hiện phụ thuộc vào thời tiết, mưa đến sớm và nước ngọt do lũ đổ về đầu mùa là thời kỳ xuất hiện Cá kèo con, riêng năm 2010 đến tháng 8 nhưng vẫn chưa xuất hiện Cá kèo giống, theo kinh nghiệm ngư dân là do nắng nóng và nước ngọt chưa đổ về mạnh.



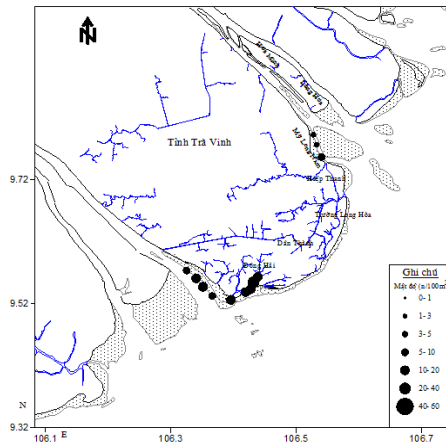
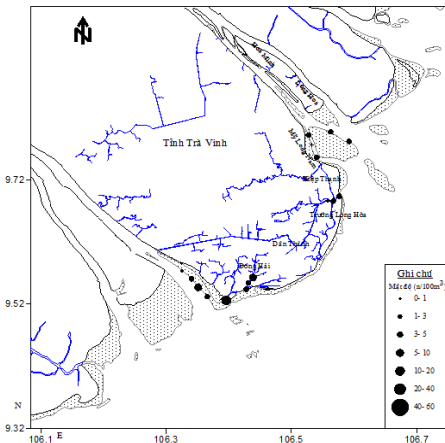
Hình 2: Mật độ trung bình Cá kèo giống thu được các tháng ở ven biển cửa sông Trà Vinh

### 2. Phân bố Cá kèo giống

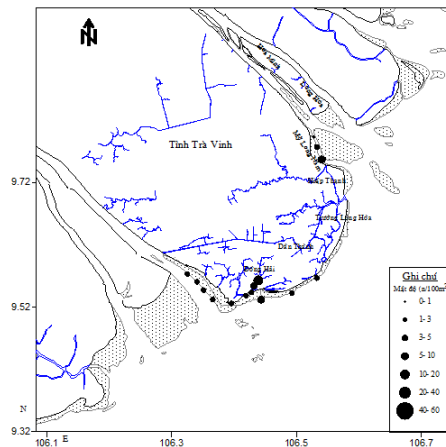
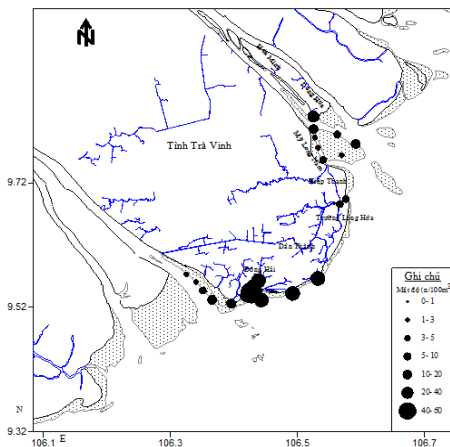
Cá kèo giống đều xuất hiện ở các trạm thu mẫu thuộc khu vực cửa sông Cung Hầu, Láng Nước, cửa sông Động Cao, Định An và vùng ven biển Hồ Thùng đến Phước Thiện. Tuy nhiên mật độ cá giống qua các đợt điều tra đều thấy tập trung nhất ở vùng cửa sông Động Cao và vùng ven biển Hồ Thùng –Phước Thiện. Trong tháng 12/2008 vùng tập trung Cá kèo giống ở cửa sông Động Cao, trạm cao nhất cũng chỉ 4 con/100m<sup>3</sup> (Hình 3). Vào tháng 2/2009, mật độ cá giống cao nhất trạm 16 (khu vực cửa Định An) là 7,2 con/100m<sup>3</sup> (Hình 4). Vào tháng 04/2009 Cá kèo giống cũng tập trung khu vực cửa sông Động Cao và Cửa Định An (Hình 5) vào tháng này ngư dân khu vực Động Cao, cũng không khai thác Cá kèo giống vì mật độ thấp, khai thác không hiệu quả. Vào vụ khai thác chính tháng 7-8, mật độ tăng lên đáng kể, vùng tập trung là ven biển Hồ Thùng đến Phước Thiện và cửa sông Động Cao. Khu vực Ấp Thủ Trước (trạm 3) của xã Long Hòa cũng xuất hiện với mật độ 12,88 con/100m<sup>3</sup>(Hình 6). Tháng 9/2009 mật độ giảm xuống thấp chỉ tương đương tháng 2 (Hình 7). Như vậy có thể thấy khu vực cửa sông Động Cao, ven biển Hồ Thùng đến Phước Thiện là bãi tập trung Cá kèo giống.



Hình 3: Phân bố Cá kèo giống vào tháng 12/2008



Hình 4: Phân bố Cá kèo giống vào tháng 2/2009 Hình 5: Phân bố Cá kèo giống vào tháng 4/2009



Hình 6: Phân bố Cá kèo giống vào tháng 7-8/2009 Hình 7: Phân bố Cá kèo giống vào tháng 9/2009

### III. KẾT LUẬN

Cá kèo giống xuất hiện quanh năm, nhưng mật độ cao vào tháng 7-8, các tháng khác có mật độ thấp. Mùa vụ chính xuất hiện Cá kèo giống ở vùng ven biển cửa sông Trà Vinh là từ tháng 7-8 hàng năm. Khu vực tập trung của Cá kèo giống là cửa sông Động Cao, ven biển Hồ Thùng đến Phước Thiện

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Dinh T.D., M.A. Ambak, H. Anuar, N.T. Phuong**, 2007: *Asian Fisheries Science*, 20: 165-179.
2. **Fish Base**, 2004: Data fish of the World.
3. **Larson H.K., E.O. Murdy**, 2002: FAO species identification sheets for the western central Pacific. FAO, Rome, p. 3587- 360.
4. **Murdy E.O.**, 1989: *Rec. Aust.Mus., Suppl.*, 11: 93.
5. **Mai Đình Yên**, 1991: Cá nước ngọt Nam Bộ. NXB. KH&KT.
6. **Nguyễn Nhật Thi**, 2000: Động vật chí Việt Nam, tập 2. NXB. KH&KT.
7. **Rainboth W.J.**, 1996: FAO Species Identification Field Guide for Fishery Purposes. FAO, Rome, 265 pp.
8. **Weber M., L.F. de Beaufort**, 1953: The fish of the Indo-Australian Archipelago, vol. 10 Gobioidae. 423 pp.

### SEASONAL DISTRIBUTION OF ELONGATE GOBY LARVAL (*PSEUDAPOCRYPTE ELONGATUS*) IN COASTAL ZONE OF TRA VINH

VO VAN QUANG, TRAN THI LE VAN, TRAN CONG THINH

#### SUMMARY

During the period from December 2008 to September 2009, five surveys were conducted to collect samples. In December 2008 larval occurs on average of 1.76 individual/100m<sup>3</sup>. In February 2009 the same fish was also obtained but with relatively low density with 1-3 ind./100m<sup>3</sup>, averaging only 1.83 ind./100m<sup>3</sup>. In April 2009, the average density is 5.43 ind./100m<sup>3</sup>, in July 2009 is 12.5 ind./100m<sup>3</sup> and in September 2009 also is 2.97 ind./100m<sup>3</sup>. The larval season is from July to August annually. The larval varieties appear in the sampling stations in the Cung Hau estuary, Lang Nuoc estuary, Dong Cao estuary, Dinh An estuary and coastal line from Ho Thung hamlet to Phuoc Thien hamlet. However, the density of larval was found to be most concentrated in Dong Cao estuaries and coastal line from Ho Thung hamlet to Phuoc Thien hamlet.